

**XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG SẠCH,
VỮNG MẠNH; PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT; TẬP
TRUNG CHUYỂN ĐỔI SỐ; HUY ĐỘNG MỌI NGUỒN LỰC PHÁT
TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI; BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH;
ĐƯA LAI CHÂU PHÁT TRIỂN XANH, NHANH, BỀN VỮNG**

*(Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV
trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV)*

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ XV là sự kiện chính trị quan trọng của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Đại hội diễn ra trong thời điểm tỉnh đạt được nhiều thành quả to lớn sau 20 năm chia tách, thành lập, đóng góp vào thành tựu chung của đất nước sau 40 năm đổi mới. Với phương châm “*Đoàn kết - dân chủ - kỷ cương - sáng tạo - phát triển*”, Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025; xác định mục tiêu, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2025-2030 với quyết tâm chính trị cao nhất, phấn đấu đưa Lai Châu phát triển xanh, nhanh, bền vững.

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI
ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIV, NHIỆM KỲ 2020-2025**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV trong bối cảnh nhiều thuận lợi, song cũng không ít khó khăn, thách thức. Trên Thế giới, hòa bình, hợp tác vẫn là xu thế chính; các nước tập trung phục hồi sau đại dịch Covid-19. Trong nước, thế và lực, uy tín quốc tế của Việt Nam tiếp tục được nâng cao. Sau 20 năm chia tách, thành lập, Lai Châu đã có những thành tựu quan trọng. Với quyết tâm chính trị cao, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã đoàn kết, nỗ lực thực hiện Nghị quyết và đạt nhiều kết quả quan trọng, toàn diện.

I- KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức có nhiều chuyển biến tích cực. Các cấp ủy đảng luôn giữ vững nguyên tắc tổ chức và hoạt động, nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, phát huy vai

trò nêu gương của cán bộ, đảng viên; nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, giáo dục chính trị trong Đảng bộ tỉnh; đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp tuyên truyền, việc quán triệt, học tập các chủ trương, đường lối Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước⁽¹⁾; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch⁽²⁾. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh được triển khai đồng bộ, sáng tạo, thiết thực, hiệu quả⁽³⁾.

Công tác xây dựng Đảng về tổ chức được thực hiện quyết liệt, đạt nhiều kết quả quan trọng. Sắp xếp tổ chức đảng các cấp đồng bộ, phù hợp⁽⁴⁾; thực hiện tinh gọn tổ chức bộ máy, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đúng kế hoạch, bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu quả. Toàn tỉnh đã giảm 892 tổ chức và gần 1.500 biên chế. Đổi mới nội dung, phương thức sinh hoạt cấp ủy, chi bộ; bồi dưỡng, phát triển đảng viên được thực hiện hiệu quả, đã kết nạp trên 5.300 đảng viên, nâng tổng số đảng viên toàn Đảng bộ lên 31.578 đồng chí. Công tác xây dựng Đảng về cán bộ được quan tâm, đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ, cán bộ trẻ bước đầu đạt được kết quả tích cực. Kiểm soát quyền lực, phòng chống tiêu cực trong công tác cán bộ được thực hiện nghiêm túc. Bảo vệ chính trị nội bộ, kết luận về tiêu chuẩn chính trị được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định.

Công tác dân vận được tăng cường. Phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, được quán triệt, triển khai nghiêm túc; hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở được nâng cao. Dân vận chính quyền, dân vận vùng đồng bào dân tộc thiểu số, dân vận tôn giáo có nhiều chuyển biến rõ nét. Phong trào “Dân vận khéo” được triển khai sâu rộng, lan tỏa, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng đạt kết quả toàn diện. Thực hiện nghiêm nguyên tắc “ở đâu có tổ chức đảng, đảng viên thì ở đó có kiểm tra, giám sát”; không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Tập trung kiểm tra, các lĩnh vực phức tạp, nhạy cảm⁽⁵⁾; giám sát thường xuyên việc thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên và công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực. Đã kiểm tra, giám sát 22.438 lượt tổ chức đảng và đảng viên; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh các vi phạm⁽⁶⁾.

Công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được quan tâm thực hiện. Hoạt động thanh tra có trọng tâm, trọng điểm, bám sát sự chỉ đạo của Trung ương; kịp thời phát hiện, xử lý các sai phạm. Thực hiện tốt tiếp công dân, tăng cường đối thoại với Nhân dân, kịp thời giải quyết các khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định.

Công tác nội chính, cải cách tư pháp, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được tăng cường; chủ động nắm tình hình, kịp thời xử lý các vụ việc phức tạp⁽⁷⁾. Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp, Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tỉnh được thành lập, kiện toàn; các quy định về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được triển khai đồng bộ⁽⁸⁾; hoạt động của các cơ quan tư pháp có chuyển biến tích cực; việc kê khai tài sản, thu nhập được thực hiện nghiêm; kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ được siết chặt; cải cách hành chính, chuyển đổi số được đẩy mạnh góp phần phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Phương thức lãnh đạo của Đảng tiếp tục được đổi mới. Thực hiện nghiêm quy chế, chương trình làm việc toàn khóa, hằng năm. Lựa chọn, ban hành nghị quyết, chương trình hành động ở các lĩnh vực trọng tâm⁽⁹⁾ gắn với phân công nhiệm vụ, quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm từng cấp, từng ngành trong tổ chức thực hiện. Cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác Đảng được chú trọng. Phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ.

Xây dựng chính quyền đạt nhiều kết quả quan trọng. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được sắp xếp tinh gọn; chính quyền địa phương 2 cấp được tổ chức đồng bộ, bước đầu vận hành hiệu quả, thông suốt. Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh có nhiều đổi mới hoạt động, thể hiện rõ vai trò trong các hoạt động của Quốc hội. Hội đồng nhân dân các cấp hoạt động có hiệu quả, phù hợp với thực tiễn; tổ chức các kỳ họp linh hoạt, chất lượng ban hành nghị quyết, giám sát, tiếp xúc cử tri được nâng lên⁽¹⁰⁾. Ủy ban nhân dân các cấp đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường trách nhiệm người đứng đầu. Tỷ lệ chính quyền cơ sở hoàn thành nhiệm vụ ở mức khá, tốt đạt 81,4%. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính được cắt giảm 39,2%; 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 được cung cấp trên đa nền tảng; chỉ số cải cách hành chính (PAR-Index), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số đánh giá hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) được cải thiện rõ rệt⁽¹¹⁾.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được đổi mới, hướng mạnh về cơ sở. Các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước được triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, lan tỏa sâu rộng trong xã hội. Tổ chức hiệu quả Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc. Quan tâm chăm lo đời sống, hỗ trợ phát triển kinh tế cho người dân. Phát huy tốt vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên; tăng cường hoạt động giám sát, phản biện xã hội. Dân chủ cơ sở, quyền làm chủ của Nhân dân được phát huy. Nhân dân tham gia tích cực vào xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; đoàn kết, tin tưởng, ủng hộ sự lãnh đạo của Đảng,

quản lý của Nhà nước; mối quan hệ mật thiết giữa tổ chức Đảng, chính quyền với Nhân dân được tăng cường.

2. Phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường

Kinh tế từng bước vượt qua khó khăn, tiếp tục phục hồi, tăng trưởng. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) ước đạt 5,4%/năm, quy mô GRDP theo giá hiện hành ước đạt 32.595 tỷ đồng, bình quân đầu người ước đạt 65 triệu đồng, tăng 21,3 triệu đồng so với năm 2020. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng⁽¹²⁾.

Triển khai các chủ trương, chính sách về phát triển nông nghiệp đạt được kết quả tích cực, nhất là các chương trình trọng điểm và nhiệm vụ đột phá trong nông nghiệp⁽¹³⁾; chuyển dịch ngành nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung gắn với liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh; tốc độ tăng trưởng ước đạt 5%/năm. Chuyển đổi diện tích cây trồng kém hiệu quả sang các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao hơn theo quy mô tập trung với một số sản phẩm chủ lực như chè, quế, cây ăn quả, lúa. Tốc độ tăng đàn gia súc đạt bình quân 5%/năm; từng bước chuyển dần sang hình thức chăn nuôi tập trung gắn với áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; đến ngày 30/6/2025 toàn tỉnh có 39 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 41,5%; toàn tỉnh có 280 sản phẩm được công nhận OCOP từ 3 sao trở lên.

Công nghiệp tiếp tục phát triển, chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu GRDP tỉnh (khoảng 40,5%); tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 9,2%/năm; hoàn thành 46 dự án thủy điện với tổng công suất 913 MW, toàn tỉnh có 68 dự án phát điện với tổng công suất 3.196 MW; công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, khoáng sản, nhất là chế biến chè được chú trọng. Tập trung quy hoạch, xây dựng và phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Than Uyên.

Thương mại, dịch vụ tiếp tục phát triển. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng bình quân đạt 10,1%/năm; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt 188,7 triệu USD, giá trị xuất khẩu địa phương ước đạt 64 triệu USD, tốc độ bình quân tăng 21,3%/năm. Du lịch tăng trưởng khá, ước trên 5 triệu lượt khách⁽¹⁴⁾, số lượt khách tăng bình quân 33,4%/năm, tổng doanh thu ước đạt trên 3.800 tỷ đồng. Các loại hình du lịch từng bước được quan tâm khai thác, toàn tỉnh có 22 khu, điểm du lịch được công nhận, hình thành một số bản nông thôn mới gắn với du lịch⁽¹⁵⁾.

Nguồn lực tài chính được huy động, quản lý, sử dụng chặt chẽ, hợp lý và hiệu quả. Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 2,3%/năm⁽¹⁶⁾. Thực hiện

tốt việc tiết kiệm chi, đảm bảo nguồn lực cho đầu tư và thực hiện các chính sách an sinh xã hội, các nhiệm vụ chính trị, nhất là thực hiện các cơ chế, chính sách của tỉnh⁽¹⁷⁾.

Tập trung cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển⁽¹⁸⁾. Quy hoạch và tập trung phát triển 2 vùng kinh tế; bước đầu hình thành các khu, vùng sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa tập trung, phát triển công nghiệp thủy điện, chế biến nông, lâm sản, kinh tế biên mậu, dịch vụ, du lịch theo thế mạnh và tiềm năng từng vùng.

Thực hiện nhiệm vụ đột phá về phát triển hạ tầng đạt nhiều kết quả tích cực, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sản xuất, kinh doanh và đời sống Nhân dân⁽¹⁹⁾. Hạ tầng giao thông được ưu tiên phát triển theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được quan tâm đầu tư; hạ tầng đô thị được đầu tư xây dựng, quản lý theo quy định; hệ thống truyền tải điện được nâng cấp, mở rộng; hạ tầng văn hóa xã hội từng bước được hoàn thiện.

Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quan tâm, tập trung nghiên cứu, ứng dụng phát triển sản phẩm chủ lực, đặc sản theo chuỗi giá trị; xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, phát triển thị trường tiêu thụ gắn với thực tiễn sản xuất và nhu cầu của người tiêu dùng. Đã triển khai 57 nhiệm vụ khoa học công nghệ, chuyển giao 47 quy trình kỹ thuật cho khoảng 2.500 người dân. Đổi mới công nghệ, quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển bền vững.

Quan tâm ứng dụng chuyển đổi số vào quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ công và các lĩnh vực đời sống xã hội; ưu tiên đầu tư, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, tập trung phát triển mạng 4G/5G theo lộ trình. Kinh tế số từng bước phát triển, nhiều hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh tiếp cận nền tảng số và sàn thương mại điện tử được triển khai; thanh toán điện tử, không tiền mặt được đẩy mạnh. Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh và trung tâm giám sát an ninh mạng, điều hành thông minh (SOC-IOC) được đưa vào vận hành.

Công tác quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, tài nguyên rừng gắn với bảo vệ môi trường từng bước có hiệu quả. Thông tin về đất đai được công khai minh bạch, thủ tục hành chính được đơn giản hóa, giải quyết đúng quy trình, quy định. Bảo vệ tài nguyên rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống ô nhiễm môi trường được tăng cường. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 54% góp phần quan trọng để bảo vệ và phát triển bền vững; nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng bình quân 500-600 tỷ đồng/năm, chi trả

cho 82.843 hộ dân góp phần nâng cao đời sống Nhân dân. Ủng phó với biến đổi khí hậu; phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai ngày càng chủ động, hiệu quả.

3. Phát triển văn hóa, xã hội, con người

Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo từng bước có hiệu quả. Cơ sở giáo dục, đào tạo được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với thực tiễn. Chất lượng giáo dục được nâng lên, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ước đạt 73,5%; đội ngũ nhà giáo cơ bản bảo đảm về chất lượng và cơ cấu, đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học. Cơ sở vật chất trường lớp tiếp tục được đầu tư, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 79,7%. Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, được quan tâm chỉ đạo, tỉnh được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3. Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường và hoàn thành chương trình ở các cấp học đều đạt cao⁽²⁰⁾. Xã hội hóa giáo dục được thúc đẩy, đã huy động được hơn 200 tỷ đồng vào đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Mỗi năm đào tạo nghề cho hơn 8,1 nghìn người, giải quyết việc làm cho khoảng 9,4 nghìn người, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 62,4%.

Thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Hệ thống y tế được củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động; đội ngũ thầy thuốc, nhân viên y tế được kiện toàn, đạt tỷ lệ 13,1 bác sĩ/vạn dân. Chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được nâng lên, tiếp tục triển khai, mở rộng các dịch vụ kỹ thuật cao, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào hoạt động quản lý, điều hành khám, chữa bệnh, 70% dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử. Khống chế thành công dịch Covid-19; chất lượng dân số từng bước được cải thiện; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95%.

Triển khai thực hiện hiệu quả chương trình trọng điểm về bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc gắn với phát triển du lịch. Chất lượng các hoạt động văn hóa, nghệ thuật được nâng lên; ưu tiên xác định, lựa chọn những giá trị văn hóa đặc sắc để bảo tồn và phát huy⁽²¹⁾. Các phong trào, hoạt động xây dựng đời sống văn hóa trong cộng đồng dân cư đạt hiệu quả tốt; tập trung xây dựng nếp sống văn minh, góp phần xây dựng giá trị văn hóa con người Lai Châu với tinh thần đoàn kết, vượt khó, có ý chí và khát vọng vươn lên; đời sống tinh thần của người dân từng bước được nâng lên.

Công tác giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được chú trọng. Tập trung đầu tư hệ thống hạ tầng hỗ trợ phát triển sản xuất; đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo, quan tâm hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở, đất ở, đất sản xuất gắn với hỗ trợ sinh kế đã góp phần tạo việc làm, cải thiện đời sống Nhân dân, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa

các địa bàn; tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, bình quân 3,9%/năm, riêng các huyện nghèo giảm 5,4%/năm, còn khoảng 16,3%. Tập trung xóa bỏ các hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu trong Nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số; giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống. Chú trọng xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số.

Công tác an sinh xã hội được bảo đảm; truyền thống “uống nước nhớ nguồn” được phát huy, chế độ chính sách đối với người có công được thực hiện tốt; hoàn thành việc xóa nhà tạm, nhà dột nát; thực hiện tốt công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em. Các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo được quản lý theo quy định pháp luật.

4. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Quán triệt, xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân vững mạnh; củng cố, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện vững mạnh về lực lượng, thế trận, tiềm lực. Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời xử lý những tình huống phát sinh; phòng ngừa, đấu tranh hiệu quả với âm mưu chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ. Kịp thời điều chỉnh quy hoạch thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ gắn với quy hoạch tỉnh. Huy động hiệu quả các nguồn lực, từng bước đầu tư xây dựng các công trình chiến đấu, công trình phòng thủ, thao trường huấn luyện, trụ sở ban chỉ huy quân sự cấp xã; diễn tập khu vực phòng thủ, phòng thủ dân sự, phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn đạt kết quả tốt. Chủ quyền biên giới được giữ vững; xây dựng thế trận biên phòng toàn dân được quan tâm với nhiều cách làm sáng tạo, hiệu quả.

Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, “mẫu mực, tiêu biểu”, lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp; hoàn thành việc sắp xếp tổ chức quân sự địa phương “tinh, gọn, mạnh”. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh. Huy động và bảo đảm đầy đủ nhu cầu quốc phòng, an ninh trong các nhiệm vụ thường xuyên và khi có tình huống. Hoạt động phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn được quan tâm; kịp thời hỗ trợ người dân, tổ chức, doanh nghiệp khi có thiên tai, sự cố; ứng phó hiệu quả với tác động bất lợi của biến đổi khí hậu.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; chủ động nắm chắc tình hình, đấu tranh, ngăn chặn kịp thời hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Làm tốt công tác bảo đảm an ninh biên giới, bảo vệ chính trị nội bộ, giữ vững an ninh trên các lĩnh vực: thông tin, kinh tế, văn hóa - tư tưởng, nông thôn, tôn giáo, dân tộc; bảo vệ bí mật nhà nước. Đấu tranh, phòng, chống tội phạm, giữ gìn trật tự an toàn xã hội được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tạo sự

chuyển biến rõ nét. Lực lượng nòng cốt ở cơ sở trong bảo đảm an ninh, trật tự được quan tâm củng cố, kiện toàn; hoàn thành đề án bố trí 100% công an chính quy tại các xã. Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” được triển khai sâu rộng, với nhiều đổi mới về nội dung, biện pháp⁽²²⁾.

Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế có nhiều kết quả tích cực. Quan hệ đối ngoại với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), các tỉnh phía Bắc nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào được duy trì và phát triển; quan hệ với các địa phương Hàn Quốc có những bước khởi sắc, nhiều biên bản hợp tác hữu nghị giữa các cấp, các ngành, các địa phương được ký kết⁽²³⁾. Mở rộng quan hệ với các đối tác mới, các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam. Ngoại giao kinh tế có những bước phát triển mới; mở rộng thị trường lao động, thị trường xuất khẩu hàng hóa. Ngoại giao văn hóa được tăng cường, góp phần quảng bá hình ảnh và sự hiểu biết, tin cậy lẫn nhau. Hoạt động đối ngoại Đảng, đối ngoại Nhân dân được duy trì thường xuyên và hiệu quả, góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác hữu nghị giữa Lai Châu với bạn bè quốc tế.

Những thành quả trên là kết quả sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của Nhân dân các dân tộc. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có nhiều đổi mới, quyết liệt, sâu sát; vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Lựa chọn đúng nội dung, đúng thời điểm; tập trung các nguồn lực để thực hiện thắng lợi các mục tiêu đã đề ra.

II- HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, yếu kém

Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện một số chỉ tiêu, nhiệm vụ hiệu quả chưa cao; còn 6/50 chỉ tiêu thành phần chưa đạt mục tiêu Nghị quyết.

1.1. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả quán triệt, cụ thể hóa, tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng ở một số nơi còn hạn chế. Tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, người dân tộc thiểu số trong quy hoạch ở một số địa phương, tổ chức còn thấp; phát triển đảng viên ở vùng sâu, vùng xa, doanh nghiệp ngoài nhà nước còn khó khăn. Kiểm tra, giám sát, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ở một số cấp ủy chưa toàn diện, chất lượng có mặt còn hạn chế; việc tự phát hiện, tự kiểm tra trong nội bộ còn ít. Công tác dân vận, thực hiện quy chế dân chủ có nội dung, lĩnh vực còn hình thức; việc đối thoại với Nhân dân ở một số nơi chưa được quan tâm đúng mức. Dự báo tình hình có nơi, có việc chưa sát; việc khiếu nại, tố cáo có địa phương, đơn vị còn tiềm ẩn phức tạp.

Chất lượng ban hành các chủ trương, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh còn hạn chế, đồng thời tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu. Hoạt động giám sát của hội đồng nhân dân, vai trò điều hành, quản lý của ủy ban nhân dân một số địa phương chưa toàn diện; kỷ luật, kỷ cương hành chính có nơi chưa nghiêm; sự phối hợp giữa các ngành, các cấp có nơi thiếu chặt chẽ; cải cách hành chính có thời điểm hiệu quả chưa cao⁽²⁴⁾; môi trường đầu tư chưa hấp dẫn, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh còn thấp.

Việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chuyển biến chưa rõ nét. Thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động; vai trò giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền hiệu quả chưa cao. Nắm bắt tình hình tư tưởng đoàn viên, hội viên và Nhân dân có thời điểm, có việc chưa kịp thời.

1.2. Phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường

Quy mô nền kinh tế nhỏ, tốc độ, chất lượng tăng trưởng thấp, chưa bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiệu quả, bền vững còn chậm; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt thấp. Các sản phẩm nông nghiệp chủ lực còn hạn chế về chất lượng, khả năng cạnh tranh; thị trường tiêu thụ nhỏ và thiếu ổn định. Công nghiệp chế biến còn nhỏ lẻ, chế biến sâu chưa phát triển. Thương mại, dịch vụ phát triển chưa đều, xuất nhập khẩu thiếu ổn định; phát triển du lịch chưa tương xứng với tiềm năng, sản phẩm còn ít, tính kết nối chưa cao. Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn ở mức thấp⁽²⁵⁾; chuyển đổi số còn chậm; năng lực tổ chức khoa học và công nghệ còn hạn chế⁽²⁶⁾.

Tiến độ triển khai một số dự án chưa kịp thời; thu hút đầu tư vào một số lĩnh vực còn khó khăn, chưa có dự án lớn, tác động lan tỏa thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển. Số doanh nghiệp, hợp tác xã còn ít, sức cạnh tranh thấp. Chưa thu hút được các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài đến đầu tư. Chi phí logistics còn cao; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn thiếu, chưa đồng bộ. Kết nối giao thông liên vùng, nhất là kết nối các trung tâm kinh tế lớn còn rất nhiều khó khăn.

Công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện quy định về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường có thời điểm, địa bàn chưa thường xuyên; tình trạng vi phạm pháp luật về khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường còn tiềm ẩn phức tạp.

1.3. Phát triển văn hóa, xã hội, con người

Chất lượng công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân còn hạn chế; hiệu quả hoạt động của hệ thống y tế ở cơ sở chưa cao; thể chất, thể trạng của người dân cải thiện chưa rõ. Tình trạng thiếu giáo viên chậm được khắc

phục; chất lượng giáo dục vùng sâu, vùng xa chuyển biến chậm, hiệu quả đào tạo chưa cao; kỹ năng sống, kỹ năng thực hành của học sinh, sinh viên, người lao động chưa đầy đủ. Hoạt động văn hóa, thể thao chưa rộng khắp; nghệ thuật chuyên nghiệp, thể thao thành tích cao còn nhiều hạn chế. Hạ tầng thông tin, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho y tế, giáo dục, văn hóa còn thiếu và lạc hậu. Những khó khăn về sinh kế, việc làm của người dân chưa được giải quyết triệt để; tỷ lệ hộ nghèo còn cao, đời sống của một bộ phận đồng bào dân tộc nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới còn nhiều khó khăn. Việc xóa bỏ hủ tục, phong tục tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh trong Nhân dân ở một số địa phương, đơn vị chuyển biến chậm.

1.4. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Chất lượng xây dựng và huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, quy hoạch, xây dựng các công trình quân sự trong khu vực phòng thủ còn hạn chế. Nắm và xử lý những vấn đề phức tạp phát sinh ở cơ sở có việc, có thời điểm chưa kịp thời. An ninh, trật tự tại vùng sâu, vùng xa, biên giới còn tiềm ẩn phức tạp. Quan hệ đối ngoại, nhất là quan hệ với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) chưa tương xứng với tiềm năng. Hoạt động ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa, đối ngoại Nhân dân còn ít và kết quả chưa cao.

2. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

2.1. Nguyên nhân khách quan

Bối cảnh quốc tế, trong nước còn nhiều khó khăn, thách thức; hậu quả nặng nề của đại dịch Covid-19, thời tiết diễn biến bất thường, thiên tai thường xuyên xảy ra; điểm xuất phát và nguồn lực còn hạn chế; xa các trung tâm kinh tế lớn, kết nối giao thông còn nhiều khó khăn. Một số cơ chế, chính sách còn bất cập, chồng chéo, chưa phù hợp với yêu cầu phát triển của thực tiễn; việc phân cấp, phân quyền ở một số lĩnh vực chưa rõ, chưa thực sự tạo thuận lợi cho địa phương. Hoạt động xuất nhập khẩu phụ thuộc nhiều vào chính sách quản lý biên mậu của nước bạn. Các thế lực thù địch tiếp tục gia tăng các hoạt động chống phá và thực hiện âm mưu “Diễn biến hòa bình”.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu đơn vị chưa sâu sát, thiếu quyết liệt. Việc nghiên cứu, cụ thể hóa và triển khai thực hiện các quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh vào thực tiễn nhiệm vụ của ngành, địa phương còn thiếu chủ động, chưa kịp thời; trách nhiệm phối hợp trong triển khai nhiệm vụ có lúc, có việc còn thiếu chặt chẽ. Giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức công vụ có nơi chưa đạt yêu cầu; năng lực, trình độ cán bộ ở một số đơn vị còn hạn chế. Một số cán bộ, đảng viên

thiếu gương mẫu, ý thức trách nhiệm chưa cao. Công tác kiểm tra, giám sát, tự kiểm tra, tự phát hiện vi phạm có nơi chưa thường xuyên, thiếu quyết liệt.

III- ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung

Nhiệm kỳ qua, Lai Châu đã đạt nhiều kết quả quan trọng, toàn diện; cơ bản hoàn thành mục tiêu đề ra. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng được nâng lên; bộ máy, đội ngũ cán bộ được sắp xếp, tinh gọn, hoạt động hiệu quả; kỷ cương, kỷ luật được thực hiện nghiêm minh. Kinh tế tiếp tục phục hồi, tăng trưởng; hạ tầng kinh tế - xã hội được cải thiện. Văn hóa - xã hội có chuyển biến tích cực; chất lượng giáo dục, y tế được nâng lên; chính sách xã hội được thực hiện kịp thời; bản sắc văn hóa truyền thống được giữ gìn, bảo tồn và phát huy. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, đời sống Nhân dân được cải thiện. Quốc phòng, an ninh được củng cố, chủ quyền biên giới được giữ vững. Quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế tiếp tục mở rộng, phát triển có chiều sâu. Khối đại đoàn kết các dân tộc được củng cố, niềm tin Nhân dân với Đảng được nâng lên tạo đồng thuận xây dựng Lai Châu phát triển xanh, nhanh, bền vững.

2. Bài học kinh nghiệm

Một là, kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng. Quán triệt, chấp hành nghiêm chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, bản lĩnh chính trị, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên. Phát huy dân chủ, đề cao vai trò tập thể lãnh đạo và trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu.

Hai là, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ then chốt. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cán bộ chủ chốt, cán bộ dân tộc thiểu số có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, chuyên môn sâu, có uy tín, năng lực; “dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm”, gắn với giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Ba là, phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất, đồng thuận trong Đảng bộ, hệ thống chính trị và Nhân dân. Vận dụng quan điểm “Dân là gốc” và phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; quan tâm lợi ích Nhân dân, đặc biệt đồng bào vùng sâu, xa, biên giới; tạo môi trường thuận lợi để người dân, doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Bốn là, phát huy tính chủ động, sáng tạo trong cụ thể hóa các nghị quyết,

chủ trương của Đảng đảm bảo phù hợp, khả thi, sát với điều kiện cụ thể của địa phương. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện toàn diện, đồng bộ; xác định nội dung trọng tâm, trọng điểm để tập trung giải quyết; kịp thời khơi thông tiềm năng, tháo gỡ vướng mắc⁽²⁷⁾; coi trọng kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết trong tổ chức thực hiện.

Năm là, đánh giá đúng tiềm năng, lợi thế, nhận diện chính xác nguồn lực phát triển để ban hành cơ chế, chính sách; huy động hiệu quả nguồn lực xã hội cho phát triển; chú trọng tổng kết thực tiễn gắn với nghiên cứu lý luận, nâng cao chất lượng dự báo, chủ động xây dựng kịch bản ứng phó tình huống phát sinh.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NHIỆM KỲ 2025 - 2030

I- BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH

Nhiệm kỳ tới, hòa bình hợp tác Thế giới vẫn là xu hướng chủ đạo. Đất nước sau 40 năm đổi mới cơ đồ, tiềm lực, vị thế, uy tín quốc tế tiếp tục nâng lên. Công nghệ mới, trí tuệ nhân tạo, xu thế kinh tế xanh, tuần hoàn tác động mạnh mẽ đến sản xuất, đời sống. Đảng, Nhà nước tập trung cải cách tổ chức bộ máy, đổi mới xây dựng, thi hành pháp luật; phát triển kinh tế tư nhân; tạo đột phá khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, giáo dục - đào tạo và chăm sóc sức khỏe nhân dân; hội nhập quốc tế; quan tâm phát triển vùng miền núi, biên giới. Lai Châu có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng an ninh, nhiều tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội. Cùng với thành tựu đạt được sau 20 năm thành lập tỉnh là những yếu tố quan trọng, tạo nền tảng vững chắc để thực hiện mục tiêu nhiệm kỳ 2025-2030.

Tuy nhiên, tình hình Thế giới đứng trước diễn biến phức tạp, khó đoán định. Kinh tế nước ta tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức; các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện âm mưu chống phá. Lai Châu là tỉnh xa các trung tâm kinh tế lớn; quy mô kinh tế, dân số thấp nhất cả nước, hạ tầng kinh tế - xã hội nhất là giao thông, thông tin còn nhiều hạn chế; nguồn lực đầu tư, nhân lực còn thiếu và yếu, lợi thế cạnh tranh thấp; thiên tai, dịch bệnh diễn biến khó lường. Đây chính là những thách thức không nhỏ trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ thời gian tới.

II- QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đường lối đổi mới của Đảng. Cụ thể hóa và thực hiện sáng tạo, hiệu quả chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

2. Phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế; tranh thủ nguồn lực, sự giúp đỡ của Trung ương, các địa phương. Gắn phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường với bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng biên giới hòa bình, phát triển; tăng cường hợp tác quốc tế.

3. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc; khơi dậy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng phát triển. Lấy con người làm chủ thể, bản sắc văn hóa làm nền tảng và động lực phát triển; nâng cao đời sống Nhân dân là mục tiêu phấn đấu.

4. Đổi mới tư duy, nắm bắt cơ hội phát triển, chủ động vượt khó. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, cải cách hành chính, mở rộng dân chủ gắn với giữ vững kỷ cương. Khuyến khích tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; thu hút, trọng dụng nhân tài. Tập trung phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, phát triển hạ tầng kinh tế xã hội, kinh tế tư nhân.

5. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất, năng lực, gắn bó với Nhân dân. Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Sắp xếp tổ chức bộ máy tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

III- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; khai thác hiệu quả các cơ hội, nguồn lực, đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế, phát triển toàn diện văn hóa, y tế, giáo dục, nâng cao đời sống của Nhân dân. Mở rộng hợp tác quốc tế, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia. Phấn đấu đến năm 2030 đưa Lai Châu trở thành tỉnh phát triển trung bình của vùng trung du và miền núi phía Bắc; đến năm 2045 trở thành tỉnh trung bình của cả nước.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

2.1. Về kinh tế

(1) Tốc độ tăng trưởng GRDP đạt bình quân khoảng 10%⁽²⁸⁾. GRDP bình quân đầu người đạt 90 triệu đồng. Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2030 ước đạt 4.596.000 đồng/người/tháng.

(2) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn phấn đấu đến năm 2030 đạt trên 4.500 tỷ đồng.

(3) Giá trị hàng địa phương tham gia xuất khẩu tăng bình quân 10,5%/năm.

(4) Tổng lượt khách du lịch tăng bình quân 10%/năm; doanh thu từ du lịch đến năm 2030 đạt trên 2.700 tỷ đồng.

(5) Tổng vốn đầu tư xã hội trên địa bàn tỉnh bình quân khoảng 35% GRDP.

(6) Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội đạt 8-9%/năm.

(7) Tỷ trọng kinh tế số đạt từ 9-10% GRDP.

2.2. Về xã hội

(8) Dân số đến năm 2030 đạt trên 530 nghìn người.

(9) Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2. Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường: Mẫu giáo đạt 99,8%, tiểu học đạt 99,9%, trung học cơ sở đạt 98%, trung học phổ thông đạt từ 60% trở lên. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia từ 80% trở lên.

(10) Hằng năm giải quyết việc làm cho 10.000 lao động, đào tạo nghề cho 4.700 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo 70,5%, trong đó lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ trên 32%. Tỷ trọng lao động có việc làm trong nền kinh tế bình quân giai đoạn 2026-2030 là: Nông, lâm nghiệp và thủy sản 58,1%; Công nghiệp và xây dựng 13,1%; Dịch vụ 28,8%. Tỷ lệ thất nghiệp đến năm 2030 khoảng 1%.

(11) Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 3-4%/năm, phấn đấu đến năm 2030 cơ bản không còn hộ nghèo.

(12) Có trên 13,5 bác sĩ/1 vạn dân; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi xuống dưới 17%; tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế đạt trên 92%; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 96%; tuổi thọ bình quân đạt 70 tuổi.

(13) 88% thôn, bản, khu dân cư có nhà văn hóa; 86% hộ gia đình, 78% thôn, bản, khu phố và 98% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn văn hóa.

(14) Phấn đấu toàn tỉnh có ít nhất 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

(15) Trên 95% đường xã được cứng hóa; 99% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia; 82% dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; 80% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn; hoàn thành 1.500 căn nhà ở xã hội.

(16) Phấn đấu 50% trở lên số xã, phường không có ma túy.

2.3. Về môi trường

(17) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 55%.

(18) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được phân loại, thu gom, xử lý đạt 95%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được phân loại, thu gom, xử lý đạt 90%.

(19) Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông (suối) đạt 65%.

(20) Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt 98%.

2.4. Chỉ tiêu về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

(21) Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới hằng năm đạt từ 3-4% tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh.

(22) 75% trở lên đảng bộ trực thuộc tỉnh, 90% trở lên tổ chức cơ sở đảng, 90% trở lên đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ; 100% tổ chức chính quyền cơ sở, trên 90% Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội cơ sở đạt từ tốt trở lên.

IV- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tiếp tục xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện

1.1. Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng

1.1.1. Xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và đạo đức

Kiên định, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Nâng cao năng lực hoạch định, cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng; coi trọng năng lực dự báo, ứng phó tình hình. Kiên quyết khắc phục hạn chế, yếu kém, trì trệ, tình trạng né tránh trách nhiệm; đấu tranh phòng, chống suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Thực hiện nghiêm các nguyên tắc, quy định; thực hành dân chủ gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương.

Tăng cường xây dựng Đảng về tư tưởng, hướng mạnh về cơ sở. Đổi mới mạnh mẽ việc học tập, quán triệt, tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị theo hướng khoa học, sáng tạo, hiện đại, gắn lý luận với thực tiễn. Bồi dưỡng ý thức chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, giáo dục lịch sử Đảng, truyền thống cách mạng cho đoàn viên, hội viên và Nhân dân, nhất là thế hệ trẻ. Nâng cao chất lượng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận phục vụ xây dựng, cụ thể hóa và thực hiện chủ trương, chính sách.

Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; chủ động phòng chống "diễn biến hòa bình", ngăn chặn suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức. Chủ động nắm bắt, dự báo tình hình; kịp thời xử lý thông tin, định hướng dư luận xã hội trước những vấn đề nhạy

cảm, phức tạp. Phát huy vai trò báo chí, truyền thông, văn học - nghệ thuật trên mặt trận tư tưởng, văn hóa. Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác chính trị, tư tưởng chuyên nghiệp, thích ứng với chuyển đổi số; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị.

Thực hiện nghiêm túc, quyết liệt việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các quy định về trách nhiệm nêu gương, chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, “giáo dục cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”, “những điều đảng viên không được làm”. Xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Nâng cao ý thức tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, thường xuyên “tự soi”, “tự sửa”. Phát hiện, biểu dương, lan tỏa điển hình tiêu biểu.

1.1.2. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ; tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; tăng cường bảo vệ chính trị nội bộ

Hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức, bộ máy. Cụ thể hóa và triển khai kịp thời các nghị quyết, quy định của Trung ương về tổ chức, bộ máy bảo đảm đồng bộ, liên thông; hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền; hoàn thiện vị trí việc làm làm cơ sở sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với tinh giản biên chế.

Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên. Đổi mới nội dung, hình thức, nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ, bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, kỹ năng công tác cho đội ngũ cấp ủy viên cơ sở. Thực hiện hiệu quả mô hình “chi bộ bốn tốt”, “đảng bộ cơ sở bốn tốt”. Tăng cường quản lý đảng viên; tập trung phát triển đảng viên ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, trong học sinh và doanh nghiệp ngoài nhà nước.

Chú trọng xây dựng Đảng về cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ chủ chốt và người đứng đầu. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ và quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu. Cụ thể hóa các quy định của Trung ương về công tác cán bộ, nhất là đánh giá, quy hoạch, đào tạo và sử dụng cán bộ. Thực hiện tốt chủ trương khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số. Tăng cường kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ; bảo vệ chính trị nội bộ, bảo đảm đoàn kết, thống nhất và sự trong sạch, vững mạnh của các cấp ủy, tổ chức đảng. Kiên quyết đấu tranh phòng, chống bè phái, “lợi ích nhóm” và chia rẽ nội bộ.

1.1.3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

Lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, ủy ban kiểm tra quán triệt, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng; tuyên truyền, phổ biến, cụ thể hóa kịp thời các chủ trương, nghị quyết, quy định của Đảng, văn bản của Trung ương, Tỉnh ủy về kiểm tra, giám sát. Nâng cao hiệu quả phối hợp trong xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Tăng cường giám sát nhất là giám sát thường xuyên để chủ động nắm tình hình, ngăn ngừa khuyết điểm, vi phạm; gắn công tác kiểm tra giám sát với kiểm soát quyền lực và trách nhiệm người đứng đầu, nhất là cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Kịp thời phát hiện, kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; giải quyết tố cáo, khiếu nại, xử lý kỷ luật đảng theo quy định. Quan tâm kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết có tính chất trụ cột trong phát triển kinh tế - xã hội. Xử lý kỷ luật nghiêm minh, chính xác, kịp thời, “không có vùng cấm”, “không có ngoại lệ”, giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật của Đảng.

Thực hiện tốt quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra có phẩm chất, đạo đức, bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ, năng lực thực tiễn, trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật cao.

1.1.4. Tăng cường công tác dân vận, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị, của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức về công tác dân vận. Tăng cường công tác dân vận theo hướng trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào việc mới, việc khó. Thực hiện hiệu quả việc xóa bỏ hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh. Đổi mới, nâng cao chất lượng dân vận các cơ quan nhà nước, quan tâm dân vận vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào có sinh hoạt tôn giáo. Nắm chắc tình hình, chủ động phòng ngừa, kịp thời xử lý những mâu thuẫn, không để xảy ra điểm nóng, vụ việc phức tạp. Triển khai các phong trào thi đua thiết thực, phù hợp; chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Xây dựng và củng cố lực lượng nòng cốt, phát huy vai trò người có uy tín, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo trong tuyên truyền, vận động. Đẩy mạnh phong trào “Dân vận khéo” gắn với biểu dương, khen thưởng, nhân rộng điển hình.

Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, thực hiện nghiêm các quy định về tiếp xúc, đối thoại, giải quyết khiếu nại tố cáo, thực hiện dân chủ ở cơ sở, phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ

hưởng”; nâng cao hiệu quả giám sát, phản biện xã hội, phát huy vai trò Nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nội bộ. Khơi dậy, phát huy các giá trị văn hóa, ý chí tự lực tự cường và khát vọng vươn lên của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

1.1.5. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nội chính; kiên quyết, kiên trì đấu tranh, ngăn chặn, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đẩy mạnh cải cách tư pháp

Thực hiện tốt công tác phổ biến, quán triệt, tuyên truyền, triển khai chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật về công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp. Chỉ đạo cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, các tổ chức hỗ trợ tư pháp đẩy mạnh cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 27-NQ/TW. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong tiếp công dân, đối thoại với Nhân dân, tiếp nhận, xử lý, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị.

Kiểm soát chặt chẽ, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong xây dựng cơ chế, chính sách, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thực hiện đồng bộ phương châm 4 không: “không thể”, “không dám”, “không muốn”, “không cần” tham nhũng; kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa và chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh. Tăng cường kiểm soát quyền lực trong các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, nhất là trách nhiệm giải trình. Bảo vệ người phát hiện, tố giác; chú trọng thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

1.1.6. Đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng

Thực hiện hiệu quả việc đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản của Đảng theo hướng đồng bộ, toàn diện, trọng tâm, trọng điểm; tổ chức thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng phù hợp thực tiễn, gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát. Đổi mới, sáng tạo, linh hoạt trong lãnh đạo, chỉ đạo; nâng cao năng lực dự báo, xác định đúng nội dung và giải pháp phù hợp; giữ vững nguyên tắc tập trung, dân chủ, phát huy vai trò, trách nhiệm của cá nhân. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hóa hạ tầng công nghệ phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp.

1.2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp

1.2.1. Nâng cao chất lượng quản lý điều hành của chính quyền các cấp

Tiếp tục củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động bộ máy chính

quyền địa phương 2 cấp đảm bảo hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả phục vụ Nhân dân; gắn sắp xếp bộ máy với cải cách chế độ công vụ, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính. Tổ chức thành công Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031. Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội; tích cực tham gia xây dựng pháp luật; nâng cao chất lượng giám sát việc thi hành pháp luật, nghị quyết của Quốc hội tại địa phương. Hội đồng nhân dân các cấp phát huy vai trò là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương; nâng cao chất lượng đại biểu, chất lượng các kỳ họp, hoạt động giám sát, tiếp xúc cử tri và quyết định các biện pháp, cơ chế, chính sách.

Nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của ủy ban nhân dân các cấp; tạo đột phá mạnh mẽ về cách thức, hiệu quả thực hiện các chủ trương, nghị quyết về phát triển kinh tế, xã hội; khẳng định vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh. Tăng cường phân cấp, phân quyền; đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, tạo điều kiện tốt nhất cho người dân, doanh nghiệp.

1.2.2. Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Tăng cường thanh tra việc triển khai chính sách, pháp luật, việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quản lý, sử dụng nguồn lực và chấp hành kỷ cương, pháp luật. Nâng cao chất lượng, hiệu quả thanh tra, xử lý nghiêm sai phạm; tăng cường giám sát hoạt động các đoàn thanh tra; đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra. Thực hiện tốt việc tiếp công dân, đối thoại trực tiếp với công dân theo quy định; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người dân; hạn chế khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài. Nâng cao hiệu quả giáo dục, phổ biến, tuyên truyền pháp luật.

1.3. Phát huy dân chủ, sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đổi mới nội dung, hình thức, phương thức hoạt động, hướng mạnh về cơ sở. Đa dạng hóa hình thức tập hợp Nhân dân, tăng cường phát triển hội viên, đoàn viên. Nâng cao chất lượng các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước; tuyên truyền, cổ vũ và nhân rộng mô hình điển hình tiên tiến, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Thực hiện tốt vai trò đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng

cho đoàn viên, hội viên và Nhân dân; làm tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền; giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Nắm bắt dư luận xã hội, tình hình nhân dân; kịp thời phối hợp với cấp ủy, chính quyền giải quyết những vướng mắc từ cơ sở. Tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tăng cường đồng thuận xã hội, phát huy vai trò làm chủ, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tập trung giáo dục, bồi dưỡng tinh thần yêu nước, bản lĩnh chính trị, nhận thức pháp luật, trình độ học vấn, tay nghề cho đoàn viên, hội viên và Nhân dân, nhất là thế hệ trẻ; phát huy vai trò các tầng lớp, các giới. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh về số lượng và chất lượng, có bản lĩnh, trình độ, kỹ năng, tinh thần tự hào dân tộc; phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong sản xuất, kinh doanh, phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; xây dựng đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, doanh nhân lớn mạnh, có đạo đức và bản lĩnh chính trị; bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, ý chí, khát vọng phát triển, tinh thần xung kích, sáng tạo của thanh niên; thực hiện đồng bộ các giải pháp về bình đẳng giới, nâng cao vai trò và vị thế phụ nữ trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng gia đình hạnh phúc; phát huy vai trò cứu chiến binh trong xây dựng Đảng, chính quyền, giáo dục truyền thống và nêu gương; phát huy trí tuệ, uy tín, kinh nghiệm người cao tuổi trong xây dựng gia đình, cộng đồng và giáo dục lòng yêu nước cho thế hệ trẻ. Phát huy vai trò tích cực của các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp tập hợp, đoàn kết lực lượng, động viên tinh thần cống hiến cho sự nghiệp phát triển của tỉnh.

2. Tiếp tục cơ cấu lại các ngành kinh tế, tạo động lực thúc đẩy thực hiện mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững

2.1. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông

Huy động nguồn lực đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông, tập trung vào các dự án trọng yếu phá thế độc đạo, tăng cường liên kết với các vùng phát triển kinh tế mạnh, đảm bảo kết nối, rút ngắn khoảng cách với các vùng kinh tế trọng điểm, các địa phương. Ưu tiên triển khai đầu tư cao tốc CT13 Bảo Hà - Lai Châu, hầm đường bộ qua đèo Khau Co, hoàn thành hầm đường bộ qua đèo Hoàng Liên; đầu tư cải tạo, nâng cấp một số đoạn tuyến quốc lộ chính yếu (quốc lộ 4H; quốc lộ 4D và quốc lộ 12 kết nối ra cửa khẩu Ma Lù Thàng); đàm phán xây dựng cầu đa năng Ma Lù Thàng kết nối với Trung Quốc; quy hoạch chi tiết cảng hàng không Lai Châu.

Phát triển giao thông nội vùng, liên vùng có sức lan tỏa lớn. Đầu tư một số tuyến đường tỉnh, kết nối liên vùng quan trọng (ĐT.132; ĐT.128; ĐT.130;

ĐT.135, đường từ cầu Pắc Ma đi cửa khẩu U Ma Tu Khoòng); nâng cấp, cải tạo một số tuyến đường tuần tra biên giới, đường ra mốc giới. Phát triển hạ tầng giao thông nông thôn, ưu tiên đường xã, liên xã; đường tại các khu, điểm tái định cư thủy điện, đường đến thôn bản, phục vụ sản xuất nông - lâm nghiệp. Thu hút đầu tư hệ thống bến xe, bãi đỗ, điểm dừng nghỉ, trung tâm đào tạo lái xe và bến thủy nội địa.

Đầu tư đồng bộ lưới điện truyền tải, phân phối đảm bảo cung cấp điện liên tục, ổn định đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong và ngoài tỉnh. Quan tâm đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, nước sạch nông thôn phục vụ sản xuất và sinh hoạt góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới; nâng cao năng lực công trình trước những yêu cầu thách thức của biến đổi khí hậu; áp dụng các giải pháp tưới tiên tiến; ưu tiên các vùng khó khăn, khan hiếm nguồn nước, vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

Hoàn thiện quy hoạch đô thị và nông thôn. Phát triển đô thị xanh, thông minh, bền vững. Ưu tiên đầu tư trụ sở, nhà công vụ, trang thiết bị xã, phường đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ chính quyền 2 cấp. Phát triển hạ tầng thương mại đồng bộ, đa dạng. Đầu tư xây dựng, cải tạo chợ phiên xã biên giới. Đầu tư hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng đáp ứng yêu cầu cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu số, thông minh.

Rà soát, đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống hạ tầng y tế, giáo dục từ tỉnh đến cơ sở theo hướng đạt tiêu chuẩn, đáp ứng yêu cầu sử dụng; thu hút đầu tư ngoài công lập. Phấn đấu 100% phòng học kiên cố; hoàn thành hệ thống các trường nội trú liên cấp các xã biên giới trong năm 2027. Đầu tư thiết chế văn hóa cấp tỉnh (Bảo tàng, Trung tâm văn hóa) đạt chuẩn; nâng cấp thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã, thôn, bản.

Đầu tư nâng cấp hạ tầng, thiết bị khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phát triển hạ tầng số, nâng cao dung lượng kết nối, chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng vùng trắng, vùng lõm làm nền tảng phát triển kinh tế số và xã hội số. Cơ bản hoàn thành phủ sóng 5G ở các điểm dân cư trên địa bàn toàn tỉnh, phủ sóng 6G tại các trung tâm kinh tế, hành chính và khu, cụm công nghiệp.

2.2. Phát triển nông nghiệp hàng hóa; tạo đột phá trong xây dựng nông thôn mới

Khai thác tiềm năng, lợi thế địa phương để xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa tích hợp đa giá trị. Đẩy mạnh tập trung đất đai, ứng dụng khoa học công nghệ phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn quy mô lớn, chất lượng cao; gắn sản xuất với bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản, truy xuất nguồn gốc, cấp nhãn hiệu.

Duy trì diện tích lúa nước năng suất, chất lượng cao. Đầu tư thâm canh, nâng cao chất lượng cho trên 10.000 ha chè, toàn bộ diện tích chè sản xuất tập trung được quản lý, cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, trong đó có ít nhất 25% diện tích được sản xuất, quản lý theo tiêu chuẩn an toàn, hữu cơ.

Phát triển ngành chăn nuôi theo hướng trang trại, ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao giá trị gia tăng, bảo vệ môi trường; phấn đấu 100% cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại, 30% cơ sở chăn nuôi nông hộ có hệ thống xử lý chất thải đảm bảo yêu cầu. Khai thác hiệu quả mặt nước trên các hồ thủy điện để nuôi trồng các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao.

Quản lý, bảo vệ diện tích rừng hiện có, mở rộng diện tích trồng rừng mới; khai thác, chế biến lâm sản, dịch vụ môi trường rừng hiệu quả; xử lý vi phạm pháp luật lâm nghiệp, thí điểm quản lý rừng dựa vào cộng đồng; phát triển kinh tế dưới tán rừng, xây dựng cơ sở dữ liệu phát triển thị trường tín chỉ carbon. Phát triển về quy mô, chất lượng, nâng cao thương hiệu vùng Sâm Lai Châu đạt tiêu chuẩn “thực hành tốt nuôi trồng và thu hái theo khuyến cáo của Tổ chức y tế Thế giới” (GACP-WHO) khoảng 3.000 ha. Mở rộng diện tích cây quế, mắc ca tại những nơi có điều kiện; chăm sóc cao su, tăng sản lượng khai thác.

Xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa và phát triển du lịch; phát triển kinh tế nông thôn, bảo vệ môi trường, cải thiện đời sống, duy trì và nâng cao chất lượng sản phẩm OCOP. Tập trung huy động, bố trí nguồn lực và các điều kiện cần thiết để chuẩn bị tiến tới xây dựng nông thôn mới hiện đại.

2.3. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp có lợi thế, ưu tiên phát triển công nghiệp sạch, bền vững

Tập trung phát triển công nghiệp có tiềm năng, thế mạnh; ưu tiên chế biến sâu nông, lâm sản và đồ uống, sản xuất điện. Tiếp tục đầu tư thủy điện theo quy hoạch, thu hút đầu tư điện mặt trời, điện gió, thủy điện tích năng; duy trì sản xuất vật liệu xây dựng, phát triển vật liệu mới; thu hút đầu tư chế biến khoáng sản công nghệ hiện đại, sớm triển khai dự án khai thác chế biến khoáng sản chủ lực. Tháo gỡ khó khăn cho các dự án công nghiệp; quan tâm đầu tư hạ tầng để hình thành các khu, cụm công nghiệp tạo điều kiện thu hút đầu tư.

2.4. Thúc đẩy dịch vụ, thương mại, du lịch phát triển

Phát triển các ngành dịch vụ đa dạng, hiện đại, bền vững phát huy thế mạnh của tỉnh. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, hỗ trợ quảng bá sản phẩm trên nền tảng số, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu; thúc đẩy chuỗi dịch vụ khép kín từ sản xuất đến xuất khẩu. Duy trì các tuyến dịch vụ vận tải hiện có, mở tuyến nội vùng, liên vùng kết nối trung tâm kinh tế lớn và Vân

Nam (Trung Quốc). Phát triển toàn diện khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng từng bước hình thành trung tâm logistics, điểm trung chuyển, kho vận, bến bãi hiện đại.

Ưu tiên phát triển du lịch thành ngành kinh tế quan trọng. Hình thành các sản phẩm du lịch đa dạng, độc đáo, chất lượng cao; ưu tiên phát triển du lịch cộng đồng trên cơ sở các giá trị văn hoá đặc sắc, du lịch thể thao mạo hiểm, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng dựa trên cảnh quan thiên nhiên, khí hậu và được liệu, du lịch canh nông xanh, bền vững⁽²⁹⁾; hỗ trợ đầu tư hạ tầng thiết yếu phục vụ du lịch. Phát triển sản phẩm OCOP, đặc sản, quà lưu niệm.

Lập quy hoạch, chuẩn bị các điều kiện về hạ tầng đối với các khu du lịch có tiềm năng; tăng cường xúc tiến du lịch có chiều sâu vào các thị trường có tiềm năng; ưu tiên kết nối du lịch trong tỉnh với Vân Nam (Trung Quốc).

2.5. Tăng cường quản lý tài chính và đẩy mạnh các giải pháp về thu ngân sách

Chú trọng phát triển, mở rộng các nguồn thu thông qua hỗ trợ thu hút đầu tư, phát triển sản xuất, xuất khẩu, kích thích và đẩy mạnh tiêu dùng. Tăng cường các biện pháp thu ngân sách; đẩy mạnh kêu gọi, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư. Quản lý, điều hành chặt chẽ chi ngân sách Nhà nước; cơ cấu lại nhiệm vụ chi, giảm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển; sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công, các chương trình mục tiêu, triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng trưởng tín dụng an toàn, kiểm soát nợ xấu; hướng tín dụng vào sản xuất, lĩnh vực ưu tiên.

2.6. Phát triển kinh tế vùng

Tập trung phát triển 2 vùng kinh tế đã xác định. Trong đó, vùng kinh tế động lực (dọc theo Quốc lộ 4D, 32) tập trung phát triển du lịch sinh thái, mạo hiểm, văn hóa cộng đồng, phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, chế biến thức ăn chăn nuôi, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác chế biến đất hiếm, phát triển đô thị, kinh tế biên mậu; vùng kinh tế nông - lâm sinh thái sông Đà (dọc theo Quốc lộ 12, 4H) tập trung bảo vệ phát triển rừng, trồng quế, mắc ca, cao su, cây gỗ lớn, phát triển dược liệu dưới tán rừng (ưu tiên phát triển sâm Lai Châu), dịch vụ môi trường rừng và các sản phẩm đặc hữu, phát triển du lịch, công nghiệp sản xuất điện.

2.7. Phát triển các thành phần kinh tế

Cơ cấu lại các doanh nghiệp Nhà nước; đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động toàn diện thông qua tối ưu hóa sản xuất, hợp tác, công nghệ, quản trị, nhân sự. Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW về kinh tế tập thể giai đoạn mới, phát triển các mô hình hợp tác, liên kết phù hợp; thu hút hộ nông dân, gia đình, cá nhân và tổ chức tham gia. Phát triển kinh tế tư nhân thành một động lực

quan trọng nhất; cụ thể hóa thể chế, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân.

Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, ứng dụng kinh tế tuần hoàn, xanh, chia sẻ. Tăng cường kết nối kinh doanh, thúc đẩy liên kết doanh nhân, doanh nghiệp với nông dân trong xây dựng mô hình sản xuất theo chuỗi cung ứng, giá trị. Triển khai Nghị quyết 41-NQ/TW về đội ngũ doanh nhân Việt Nam thời kỳ mới.

Quan tâm thu hút đầu tư nước ngoài theo Nghị quyết số 50-NQ/TW, ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị; ưu tiên thu hút các dự án công nghệ cao, tiên tiến, đầu tư xanh, giá trị gia tăng cao, quản trị hiện đại; tạo kết nối lan tỏa giữa FDI và kinh tế trong nước, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, có trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường.

3. Tập trung xây dựng văn hóa, xã hội, đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tạo nền tảng vững chắc cho phát triển bền vững

3.1. Tiếp tục đổi mới căn bản, đột phá, phát triển toàn diện, hiệu quả, thực chất giáo dục, đào tạo; tập trung phát triển nguồn nhân lực

Đẩy mạnh đổi mới, đột phá, phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025, Kết luận số 91-KL/TW, ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị đảm bảo thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chú trọng phát triển giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, giáo dục mũi nhọn; thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng, quan tâm giáo dục vùng đặc biệt khó khăn; thu hẹp khoảng cách về chất lượng giữa các vùng trong tỉnh và khu vực. Đảm bảo đạt chuẩn, giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xoá mù chữ. Tập trung xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý bảo đảm số lượng, chất lượng và cơ cấu; huy động nguồn lực, ưu tiên đầu tư thực hiện chuẩn hóa và hiện đại cơ sở vật chất, trường, lớp, trang thiết bị dạy học, đáp ứng mục tiêu đổi mới. Đẩy mạnh xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường, lớp học thông minh, trường học hạnh phúc; khuyến khích phát triển loại hình giáo dục ngoài công lập phù hợp với điều kiện của tỉnh.

Thực hiện đồng bộ, toàn diện chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo, ưu tiên tập trung các ngành nghề và kỹ năng mới, phù hợp với nhu cầu thị trường lao động; khuyến khích doanh nghiệp đào tạo nghề cho người lao động. Thực hiện hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh phổ thông. Phát huy vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị trong việc xây dựng xã hội học tập theo hướng đa dạng hóa, phù hợp với từng đối tượng, địa

phương; quan tâm, hỗ trợ người yếu thế có điều kiện để học tập; củng cố, phát huy vai trò của các trung tâm học tập cộng đồng.

3.2. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân; thực hiện tốt chính sách dân số và phát triển

Thực hiện hiệu quả các giải pháp đột phá trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân theo Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị và Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045. Xây dựng hệ thống y tế hiện đại, thông minh, công bằng, chất lượng, bền vững; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động y tế. Bảo đảm cân đối giữa khám chữa bệnh với y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu; phấn đấu bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân. Củng cố, hoàn thiện hệ thống y tế cơ sở; nâng cao hiệu quả trạm y tế cấp xã. Xây dựng hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật có đủ năng lực dự báo và kiểm soát dịch bệnh. Chú trọng xây dựng nguồn nhân lực bảo đảm số lượng và chất lượng. Đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách tài chính y tế. Tăng cường kết hợp quân dân y, đặc biệt vùng sâu, xa. Phát triển hệ thống y tế ngoài công lập phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương.

Nâng cao nhận thức, tăng cường trách nhiệm, đổi mới tư duy, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo chính sách dân số, chuyển trọng tâm từ kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển. Triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng dân số, sức khỏe người dân về tầm vóc, tuổi thọ, thể chất và tinh thần. Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật nhất là đồng bào các dân tộc; phòng, chống suy dinh dưỡng, nâng cao chất lượng cuộc sống.

3.3. Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tăng cường đầu tư và nâng cao hiệu quả tiềm lực khoa học công nghệ, nhất là công nghệ mũi nhọn, hạ tầng số và cơ sở dữ liệu. Chú trọng ứng dụng và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ vào các ngành kinh tế - xã hội tạo đột phá về năng suất, chất lượng. Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm và phát triển tài sản trí tuệ; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh trên cơ sở áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý chất lượng, cải tiến sản phẩm. Thúc đẩy hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; sớm thành lập Trung tâm đổi mới sáng tạo, Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nghiên cứu thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm cấp tỉnh. Khuyến khích, tạo môi trường thuận lợi cho khu vực tư nhân và doanh nghiệp đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ mới, cao.

Đẩy mạnh chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện; cơ bản hoàn thành chuyển đổi số ở các lĩnh vực ưu tiên, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung⁽³⁰⁾, đầu tư trung tâm dữ liệu theo công nghệ điện toán đám mây; ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào hoạt động hệ thống chính trị; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý điều hành; hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích.

Tăng cường hợp tác với tổ chức quốc tế, viện nghiên cứu và trường đại học để đào tạo, chuyển giao công nghệ phù hợp. Tiếp thu, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong và ngoài nước nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và sức cạnh tranh.

3.4. Quan tâm phát triển văn hóa, đảm bảo gắn kết chặt chẽ, hài hòa với phát triển kinh tế

Thực hiện tốt chính sách bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc, coi giá trị truyền thống văn hóa - lịch sử là nguồn lực quan trọng phát triển du lịch, dịch vụ. Phấn đấu có ít nhất 08 di tích được xếp hạng, 70% di tích quốc gia được đầu tư tu bổ, tôn tạo; nâng cao chất lượng hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa, đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực văn hóa. Chú trọng xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền; quan tâm phát triển nghệ thuật chuyên nghiệp.

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh trong cộng đồng dân cư, cơ quan, doanh nghiệp, trường học và gia đình; chú trọng phát triển văn hóa chính trị. Xây dựng và lan tỏa các giá trị văn hóa đặc sắc của con người Lai Châu; mở rộng ngoại giao văn hóa; tích cực đấu tranh, phản bác luận điệu xuyên tạc lịch sử, văn hóa và truyền thống cách mạng.

Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn “Phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý về văn hóa. Chăm lo xây dựng đội ngũ văn nghệ sĩ, nghệ nhân và người làm công tác văn hóa, nhất là văn hóa cơ sở.

3.5. Thực hiện tốt công tác gia đình, công tác bình đẳng giới; bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; phát triển thể dục - thể thao

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác gia đình, bình đẳng giới; nâng cao nhận thức Nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng gia đình trong hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách, bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp dân tộc. Xây dựng môi trường gia đình, nhà trường và xã hội an toàn, văn minh nhằm gìn giữ thuần phong, mỹ tục, giáo dục đạo đức, nhân cách cho thế hệ trẻ, đảm bảo bình đẳng giới. Thực hiện tốt công tác bảo vệ quyền trẻ em nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Hoàn thiện hệ thống thiết chế thể thao, tăng cường giáo dục thể chất và thể thao trường học, đẩy mạnh phát triển thể thao quần chúng. Duy trì, phát triển phong trào toàn dân tập luyện thể dục, thể thao; quan tâm đầu tư phát triển thể thao thành tích cao.

3.6. Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững

Thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về an sinh xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa thực hiện chính sách an sinh xã hội. Quan tâm công tác đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc, nuôi dưỡng người có công với cách mạng; hỗ trợ các đối tượng yếu thế. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản, thu hẹp khoảng cách về trình độ, thu nhập giữa các nhóm dân cư, tạo điều kiện nâng cao khả năng tự bảo đảm an sinh, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần Nhân dân. Tăng cường đào tạo nghề, mở rộng thị trường lao động, nhất là xuất khẩu lao động; đẩy mạnh tư vấn, giới thiệu việc làm cho lao động nông thôn.

Triển khai quyết liệt, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, khắc phục hiệu quả tình trạng tái nghèo. Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”, phát huy truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái giúp các hộ nghèo vươn lên phát triển kinh tế.

3.7. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo

Thực hiện đồng bộ quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc, đặc biệt Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tập trung chỉ đạo giải quyết cơ bản những khó khăn về giao thông, đất ở, đất sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt. Đẩy mạnh giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là đồng bào vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, dân tộc thiểu số ít người, có khó khăn đặc thù. Quan tâm đào tạo, quy hoạch, xây dựng và phát triển tại chỗ cán bộ là người dân tộc thiểu số.

Tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo bảo đảm đúng pháp luật. Phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp tín ngưỡng, tôn giáo trong đời sống văn hóa tinh thần Nhân dân; ngăn chặn kịp thời các hiện tượng tôn giáo mồi, “đạo lạ”, “tà đạo” hoạt động trên địa bàn, chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với hành vi lợi dụng vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để tuyên truyền, lôi kéo, gây chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết các dân tộc, ảnh hưởng an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

3.8. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

Hoàn thiện và tăng cường thực thi cơ chế, chính sách đảm bảo đồng bộ, thống nhất, đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu. Quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên đất, khoáng sản, nước; khai thác sử dụng hiệu quả tài nguyên gắn bảo vệ môi trường; nâng cao chất lượng lập quy hoạch, kế hoạch và công khai minh bạch thông tin đất đai; xây dựng cơ sở dữ liệu, đẩy mạnh số hóa quản lý tài nguyên và môi trường. Bảo vệ chặt chẽ các khu bảo tồn thiên nhiên rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, phục hồi hệ sinh thái; ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học. Tăng cường năng lực quan trắc môi trường; kịp thời giải quyết các vấn đề làm ô nhiễm, suy thoái môi trường; giảm thiểu sử dụng và xả thải sản phẩm nhựa dùng một lần, túi ni-lông khó phân hủy sinh học; phát triển cơ sở hạ tầng xử lý chất thải rắn, nước thải tập trung; nâng cao tỷ lệ xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn, nước thải; quản lý, xử lý chất thải y tế, chất thải nguy hại theo quy định.

Xây dựng, củng cố hệ thống hạ tầng ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai. Nâng cao khả năng dự báo, cảnh báo sớm thiên tai, ứng dụng khoa học và công nghệ thông tin phục vụ cảnh báo thiên tai. Bố trí, ổn định dân cư bảo đảm an toàn tại khu vực nguy cơ thiên tai.

4. Củng cố, tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; mở rộng quan hệ đối ngoại

4.1. Củng cố, tăng cường quốc phòng, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia

Tiếp tục quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm của Đảng về quân sự, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tích cực, chủ động quản lý, nghiên cứu, đánh giá, dự báo, xử lý hiệu quả các tình huống ngay tại cơ sở, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị. Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng và biên phòng toàn dân vững chắc; tăng cường triển khai xây dựng các công trình quân sự, công trình phòng thủ, đường tuần tra biên giới, trụ sở làm việc ban chỉ huy quân sự cấp xã. Tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh (năm 2027), diễn tập phòng thủ dân sự (năm 2029). Nâng cao chất lượng giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng và toàn dân, góp phần xây dựng, bồi đắp ý thức, trách nhiệm về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, bảo vệ tổ quốc cho hệ thống chính trị và Nhân dân.

Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện, mẫu mực, tiêu biểu, phù hợp với mục tiêu xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; xây dựng lực lượng dự bị

động viên hùng hậu, dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp; nâng cao chất lượng hoạt động của ban chỉ huy phòng thủ khu vực, ban chỉ huy quân sự cấp xã, thành lập lực lượng dân quân thường trực các xã biên giới và các xã, phường trọng điểm về quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

4.2. Bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

Quán triệt, thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Chủ động nắm chắc tình hình từ sớm, từ xa, kịp thời phòng ngừa, đấu tranh, đẩy lùi các nhân tố gây mất ổn định chính trị; vô hiệu hóa các luận điệu xuyên tạc, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về đảm bảo an ninh trật tự. Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm; chuyển thăm và làm việc của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước tại tỉnh. Bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng, thông tin; bảo đảm an ninh, an toàn các sự kiện lớn của đất nước, của tỉnh, nhất là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm, công tác quản lý Nhà nước về an ninh, trật tự, nhất là các nhiệm vụ mới được phân công; tăng cường các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn, trấn áp các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, nâng cao hiệu quả xử lý tội phạm trên không gian mạng; đẩy mạnh tuyên truyền pháp luật của Nhà nước, huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; quyết tâm, quyết liệt phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, chú trọng nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến hiệu quả, nâng cao chất lượng các hình thức tự quản, tự phòng, tự bảo vệ, tự hòa giải ngay tại cơ sở; xây dựng nền an ninh nhân dân gắn với nền quốc phòng toàn dân vững chắc; tiếp tục xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị; xây dựng xã điển hình về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng lực lượng Công an Lai Châu trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tình hình mới.

4.3. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

Tập trung triển khai hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025, Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 10/8/2022 của Ban Bí thư và các đề án, chương trình hành động Tỉnh ủy về thực hiện công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế trong tình hình mới phù hợp với thực tiễn của tỉnh. Tích cực kết nối, ký kết và

cụ thể hóa các thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài trên các lĩnh vực tỉnh có tiềm năng và nhu cầu hợp tác. Chủ động tiếp cận các nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, hỗ trợ phát triển chính thức và các chương trình viện trợ phi chính phủ nước ngoài đối với các lĩnh vực còn khó khăn của tỉnh. Mở rộng quan hệ đối ngoại với các nước, các đại sứ quán và các tổ chức quốc tế; tăng cường quan hệ hợp tác toàn diện với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) và các tỉnh phía Bắc nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, các địa phương của Hàn Quốc...

V- CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ

(1) Đột phá về hạ tầng giao thông, logistics, bảo đảm kết nối thuận lợi giữa Lai Châu với các trục và các vùng kinh tế trong khu vực; giao thông nội vùng và các tuyến đường xã biên giới.

(2) Đột phá về phát triển nông nghiệp hàng hóa, dược liệu và kinh tế xanh. Tập trung phát triển cây dược liệu, cây ăn quả ôn đới chất lượng cao thành sản phẩm chủ lực; gắn nông nghiệp với du lịch, OCOP, kinh tế tuần hoàn.

(3) Đột phá về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số.

VI- CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, sâu sát của cấp ủy các cấp trong thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV. Tổ chức học tập, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025-2030, bảo đảm thống nhất trong nhận thức và hành động. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu tổ chức đảng và đảng viên; phát huy vai trò nòng cốt hệ thống chính trị và tinh thần đồng thuận, trách nhiệm Nhân dân trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết. Coi trọng công tác kiểm tra, giám sát trong tổ chức thực hiện.

2. Đẩy mạnh hoàn thiện cơ chế chính sách và các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền. Tập trung xây dựng, điều chỉnh các quy hoạch phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp. Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho các công trình, dự án trọng điểm, có tính kết nối liên vùng, tạo sức lan tỏa và động lực phát triển. Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, nhất là đầu tư theo hình thức PPP, vốn ODA, viện trợ, tài trợ... Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược, hạ tầng du lịch, chuyển đổi số, khu kinh tế, cụm công nghiệp, trụ sở làm việc các xã, phường và hạ tầng xã hội thiết yếu khác. Thu hút đầu tư phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp theo

tiêu chuẩn gắn với liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; đẩy nhanh tiến độ triển khai, hoàn thành các dự án trọng điểm về du lịch, nông nghiệp, tạo động lực cho sự phát triển tỉnh. Xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại, toàn diện và bền vững, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo đa chiều; xây dựng nông thôn văn minh, xanh, sạch, đẹp, an toàn, đậm bản sắc văn hóa, gắn kết và hạnh phúc.

3. Đẩy mạnh cải cách hành chính toàn diện, trong đó tập trung cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm bớt các khâu trung gian, các chi phí tuân thủ, minh bạch hóa quy trình giải quyết, tạo thuận lợi tốt nhất cho người dân, doanh nghiệp; cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, tăng cường hội nhập quốc tế. Ưu tiên phát triển mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao giá trị gia tăng. Tập trung tháo gỡ điểm nghẽn, thúc đẩy các ngành trụ cột như: Công nghiệp (thủy điện, chế biến đất hiếm, nông lâm thủy sản), dịch vụ (thương mại, biên mậu, du lịch), nông nghiệp (vùng sản xuất hàng hóa, công nghệ cao, hữu cơ...).

4. Thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ phát triển bền vững. Tăng cường tiếp nhận, chuyển giao, làm chủ công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến; xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp gắn với doanh nghiệp công nghệ. Nâng tỷ lệ đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ. Nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa địa phương. Tăng cường ứng dụng chuyển đổi số trong các lĩnh vực, ưu tiên nông nghiệp, giáo dục, y tế, du lịch, hành chính công.

5. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Đẩy mạnh đổi mới công tác cán bộ, khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Xây dựng nền hành chính liêm chính, dân chủ, hiện đại. Chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; nâng cao đạo đức công vụ. Thực hiện hiệu quả các cơ chế thu hút, đào tạo, sử dụng, phát huy nhân tài và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

6. Tăng cường bảo đảm quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định, thuận lợi cho phát triển. Huy động sức mạnh tổng hợp cả hệ thống chính trị trong giữ gìn an ninh chính trị nội bộ, an ninh biên giới, an ninh cơ sở, an ninh kinh tế, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh trật tự, xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, lành mạnh. Xây dựng lực lượng Quân đội, Công an đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tích cực, chủ động hội nhập

quốc tế trên tất cả các lĩnh vực. Tập trung làm sâu sắc hơn nữa quan hệ hợp tác với các địa phương của tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), mở rộng quan hệ hợp tác với các địa phương của Hàn Quốc và các đối tác ưu tiên khác theo hướng chủ động, tích cực, có trọng tâm, trọng điểm, ngày càng thực chất.

Phát huy thành tựu đạt được sau hơn 20 năm chia tách, thành lập; với phương châm đoàn kết - dân chủ - kỷ cương - sáng tạo - phát triển, Đảng bộ, chính quyền, Nhân dân các dân tộc Lai Châu tiếp tục đoàn kết, thống nhất phấn đấu, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thách thức, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, cùng cả nước bước vào Kỷ nguyên phát triển hùng cường, thịnh vượng của dân tộc.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư,
- Các ban đảng Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các ban đảng tỉnh,
- Các đảng ủy trực thuộc,
- Đại biểu dự Đại hội XV,
- Lưu VPTU.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Giàng Páo Mỹ

Phụ lục 1: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIV, NHIỆM KỲ 2020-2025
 (Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV
 trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội	Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV						Ghi chú
				Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện năm 2025	Ước thực hiện NQĐH XIV	
I	Các chỉ tiêu về kinh tế									
1	- Tốc độ tăng trưởng GRDP	%	9-10	4,20	8,24	-3,42	10,52	8,00	5,4	Không đạt
	- GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	65,0	44,7	49,4	52,2	62,6	65,0	65,0	Đạt
	- Cơ cấu kinh tế									Không đạt
	+ Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	12,44	15,45	14,67	14,53	13,27	14,21	14,21	
	+ Công nghiệp, xây dựng	%	42,42	36,62	39,24	39,42	46,18	44,53	44,53	
	+ Dịch vụ	%	36,43	41,18	39,55	39,54	34,61	35,36	35,36	
	+ Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	8,71	6,74	6,54	6,51	5,94	5,9	5,9	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội	Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV						Ghi chú
				Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện năm 2025	Ước thực hiện NQĐH XIV	
2	Giá trị gia tăng ngành nông nghiệp	%	>5	5,2	5,1	5,1	4,7	4,93	5,0	Đạt
	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Ngàn tấn	226	225	226,16	225,22	228,2	226,0	226,0	Đạt
	Diện tích cây chè	Ha	10.000	8.877	9.446	9.796	10.592	10.861	10.861	Vượt
	+ Diện tích trồng chè mới	Ha	2.400	818	606	410	555	330	2.719	
	Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc	%	>5	5,0	5,1	5,2	5,4	5,0	5,1	Vượt
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	57,5	41,5	41,5	41,5	41,5	-	-	Không đánh giá
3	Số huyện nông thôn mới	Huyện	2	2	2	2	2			Không đánh giá
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	54,0	51,4	51,9	52,35	52,95	54,0	54,0	Đạt
	Thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	3.000	2.067,7	2.233,6	2.242	2.544,7	2.613	2.613	Không đạt
4	Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất nhập khẩu	%/năm	11,5	-14,96	-9,7	-13,07	-23,59	40,9	-6,39	Không đạt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội	Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV						Ghi chú
				Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện năm 2025	Ước thực hiện NQĐH XIV	
5	Tốc độ tăng xuất khẩu hàng hóa địa phương tăng bình quân	%/năm	10,0	145,7	-42,1	-10,6	82,1	13,2	21,3	Vượt
	Tổng lượt khách du lịch tăng bình quân hằng năm	%/năm	20,0	8,07	103,2	37,1	30	8,5	33,4	Vượt
	Tỷ lệ số thôn, bản có đường xe máy hoặc ô tô đi lại thuận lợi	%	100	97,9	98,6	99,0	99,4	100	100	Đạt
	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia	%	97	95,8	96,2	96,5	96,8	97,1	97,1	Đạt
	Tỷ lệ trường học được xây dựng kiên cố	%	100	99,5	99,7	99,7	100	100	100	Đạt
	Tỷ lệ trạm y tế xã được xây dựng kiên cố	%	100	94,2	94,2	94,2	94,2	100	100	Đạt
	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	93,0	87,0	88,5	90,0	91,5	93,0	93,0	Đạt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội	Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV						Ghi chú
				Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện năm 2025	Ước thực hiện NQĐH XIV	
	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	99,0	96,0	98,7	99,0	99,0	78,7	78,7	Không đánh giá
II	Các chỉ tiêu về văn hóa, xã hội									
6	Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ em dưới 5 tuổi	Xã	106	106	106	106	106	38	38	Đạt
	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 2 trở lên và đạt chuẩn phổ cập giáo dục Trung học cơ sở mức độ 1 trở lên	%	100	100	100	100	100	100	100	Đạt
	Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường:									

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội	Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV						Ghi chú
				Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện năm 2025	Ước thực hiện NQĐH XIV	
	Mẫu giáo	%	98,0	99,6	99,8	99,7	99,8	99,8	99,8	Vượt
	Tiểu học	%	99,8	99,9	99,9	99,9	99,9	99,9	99,9	Vượt
	Trung học cơ sở	%	95,0	94,1	94,3	94,4	94,5	95,5	95,5	Vượt
	Trung học phổ thông	%	60,0	53,0	54,0	56,0	58,0	60,0	60,0	Đạt
	Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia	%	66,0	56,6	58,1	62,8	68,9	73,5	73,5	Vượt
7	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	%	70,0	30,0	40,0	50,0	60,0	70,0	70,0	Đạt
	Số bác sỹ/1 vạn dân	Bác sỹ	13	11,7	12,6	13,0	13,07	13,1	13,1	Đạt
	Mức giảm tỷ suất sinh	‰/năm	0,4	1,61	2,66	0,14	0,42	0,42	0,42	Đạt
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	<15	18,71	17,80	16,69	15,84	<15	<15	Đạt
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	20	25,86	24,15	22,9	21,25	<20	<20	Đạt
8	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	3,0	3,0	3,7	4,7	4,42	3,7	3,9	Vượt
	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo các huyện nghèo	%	4,0	4,3	4,6	6,2	6,12			Không đánh giá

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội	Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV						Ghi chú
				Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện năm 2025	Ước thực hiện NQĐH XIV	
	Giải quyết việc làm cho lao động hằng năm	Người/năm	8.500	8.782	8.863	9.842	10.126	9.460	9.415	Vượt
	Đào tạo nghề cho lao động hằng năm	Người/năm	8.000	8.123	9.203	8.845	7.328	7.325	8.165	Vượt
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	62,8	53,5	56,0	58,3	60,4	62,4	62,4	Không đạt
9	Tỷ lệ thôn, bản, khu dân cư có nhà văn hóa	%	80,0	77,0	78,0	83,6	84,8	88,6	88,6	Vượt
	Tỷ lệ thôn, bản, khu phố đạt chuẩn văn hóa	%	75,0	74,2	74,4	74,7	74,9	75,0	75,0	Đạt
	Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa	%	86,0	85,1	85,4	86,0	86,1	86,4	86,4	Vượt
	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%	98,0	96,5	96,8	94,1	97,7	98,0	98,0	Đạt
	Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh	%	100	89,7	90,7	93,3	95,3	100	100	Đạt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội	Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV						Ghi chú
				Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện năm 2025	Ước thực hiện NQĐH XIV	
III	Chỉ tiêu về môi trường									
10	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý	%	>95	98,1	98,0	98,1	98,65	98,65	98,65	Vượt
	Tỷ lệ số xã, phường, thị trấn tại các huyện, thành phố được thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt	%	75,0	67,0	67,9	72,6	74,5	77,36	77,36	Vượt
IV	Các chỉ tiêu về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị (hàng năm)									
11	Đảng bộ trực thuộc tỉnh hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	%	>80	83,33	91,67	33,33	91,67	>80	71,66	Không đạt
	Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	%	>90	92,62	94,01	91,31	96,54	>90	>90	Đạt
	Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ	%	>90	95,83	95,84	95,65	96,58	>90	>90	Đạt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội	Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV						Ghi chú
				Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Ước thực hiện năm 2025	Ước thực hiện NQĐH XIV	
	Kết nạp đảng viên mới	Đảng viên	>1.000	1.022	1.003	1.121	1.141	>1.000	>1.000	Đạt
	Tổ chức chính quyền cơ sở đạt từ khá trở lên	%	>80	85,85	84,91	65,1	> 80	> 80	> 80	Đạt
	MTTQ và đoàn thể CT-XH đạt từ tốt trở lên	%	>80	89,5	90,06	95,27	83,21	83,16	>80	Đạt

Ghi chú: Các chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới; Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo các huyện nghèo; Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung không đánh giá cả nhiệm kỳ do năm 2025 thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, bỏ cấp huyện, sắp xếp giảm số lượng xã.

Phụ lục 2: CÁC CHỦ THỨC CỦA BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
(Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV
trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV)

TT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
(1)	Việc tổ chức quán triệt, học tập nghị quyết được quan tâm chỉ đạo: Trong nhiệm kỳ tổ chức 52.007 hội nghị học tập, quán triệt, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của tỉnh; giảm từ 3 tháng tổ chức 1 hội nghị thành 2 tháng hoặc 1 tháng tổ chức hội nghị; Tỷ lệ đảng viên tham gia học bình quân đạt 97%; cán bộ, công chức, viên chức chưa là đảng viên đạt trên 96%.	Trang 8 (Báo cáo chính trị)
(2)	Đa dạng hóa các hình thức, phương tiện tuyên truyền: tuyên truyền miệng của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; tuyên truyền qua các cơ quan Báo Lai Châu, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh (nay là Báo và Phát thanh - Truyền hình Lai Châu); qua các phương tiện thông tin, truyền thông (hệ thống loa truyền thanh cơ sở; trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử), phát huy lợi thế của mạng xã hội. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng được quan tâm triển khai thực hiện hiệu quả, Ban Chỉ đạo 35 các cấp phát huy vai trò, hiệu quả hoạt động, đã có 1.529 bài viết, 358 video clip đấu tranh, phản bác các thông tin xấu độc..	Trang 8 (Báo cáo chính trị)
(3)	Tỉnh ủy cụ thể hóa Kết luận số 01-KL/TW, chuyên đề học tập và làm theo Bác toàn khóa nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng thành chuyên đề giai đoạn 2022 - 2025 và hằng năm của tỉnh. Chuyên đề giai đoạn 2022-2025: “Thực hiện nghiêm trách nhiệm nêu gương, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, nâng cao ý chí tự lực, tự cường, khát vọng xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đưa Lai Châu phát triển nhanh và bền vững”; chuyên đề hằng năm phù hợp với định hướng chỉ đạo của Trung ương và định hướng phát triển tỉnh. Giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh triển khai thực hiện hiệu quả 1.095 nhiệm vụ đột phá, nhiệm vụ trọng tâm; xây dựng 1.093 mô hình tiêu biểu.	Trang 8 (Báo cáo chính trị)
(4)	Hiện có 42 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, 295 tổ chức cơ sở đảng (giảm 228 tổ chức), 19 đảng bộ bộ phận (tăng 16 tổ chức), 1.841 chi bộ (giảm 54 chi bộ).	Trang 8 (Báo cáo chính trị)

TT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
(5)	Về các lĩnh vực: công tác cán bộ, quản lý đất đai, tài chính, tài sản công, đầu tư công, thực hiện quy chế làm việc, nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, đạo đức, lối sống, việc tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên.	Trang 8 (Báo cáo chính trị)
(6)	Cụ thể: các cấp ủy, ủy ban kiểm tra đã kiểm tra 4.876 tổ chức đảng, 7.117 đảng viên; kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm 91 tổ chức đảng, 327 đảng viên; giám sát 2.462 tổ chức đảng, 7.983 đảng viên; thi hành kỷ luật 35 tổ chức đảng, 976 đảng viên.	Trang 8 (Báo cáo chính trị)
(7)	Vụ việc khiếu kiện về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của một số hộ dân tái định cư thủy điện Huội Quảng, Bản Chát.	Trang 9 (Báo cáo chính trị)
(8)	Trong nhiệm kỳ Ban chỉ đạo PCTNLPTC đã đưa 5 vụ án, 3 vụ việc vào diện theo dõi chỉ đạo: (1). Vụ việc Kiểm tra dấu hiệu vi phạm tổ chức đảng và đảng viên tại Sở Y tế. (2). Vụ việc Kiểm tra dấu hiệu vi phạm tổ chức đảng và đảng viên tại Thành ủy Lai Châu. (3). Vụ án lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ xảy ra tại xã Can Hồ, huyện Mường Tè. (4). Vụ việc kiểm tra dấu hiệu vi phạm đối với Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với các dự án, gói thầu do Công ty Cổ phần tiến bộ Quốc tế AIC và các doanh nghiệp thuộc "hệ sinh thái" AIC thực hiện. (5). Vụ án đánh bạc xảy ra tại huyện Sìn Hồ, Phong Thổ và thành phố Lai Châu. (6) Vụ án Đưa hối lộ và Nhận hối lộ xảy ra tại Thanh tra tỉnh. (7). Vụ án Đưa hối lộ và Nhận hối lộ xảy ra tại Sở Công thương tỉnh. (8). Vụ án Đưa hối lộ và Nhận hối lộ xảy ra tại Công ty cổ phần đầu tư phát triển chè Tam Đường.	Trang 9 (Báo cáo chính trị)
(9)	Tỉnh ủy ban hành 2 chương trình hành động, 23 nghị quyết chuyên đề, đề án, chỉ thị, kết luận để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV.	Trang 9 (Báo cáo chính trị)
(10)	Số kỳ họp HĐND tỉnh tăng lên, tổ chức thêm 5 kỳ họp chuyên đề, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh như: sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, vốn, ngân sách...	Trang 9 (Báo cáo chính trị)
(11)	Năm 2024, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đạt 67,67 điểm, tăng 1,12 điểm, xếp thứ 33/63 tỉnh, thành phố (vượt mục tiêu đề ra về điểm số lần thứ hạng); chỉ số quản trị hành chính công năm 2024 của tỉnh đạt 43,48 điểm, tăng 2,58 điểm so với năm 2020, xếp thứ 31/63 tỉnh, thành phố.	Trang 9 (Báo cáo chính trị)

TT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
(12)	Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 14,2%; công nghiệp, xây dựng chiếm 44,5%; dịch vụ chiếm 35,4%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,9%.	Trang 10 (Báo cáo chính trị)
(13)	02 Chương trình trọng điểm: phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung; phát triển rừng bền vững. Nhiệm vụ đột phá: Phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung tạo sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản có giá trị, hiệu quả kinh tế cao trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ, đảm bảo quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ; xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, đáp ứng tiêu chuẩn thị trường trong nước và xuất khẩu.	Trang 10 (Báo cáo chính trị)
(14)	Trong đó: khách nội địa là 4,93 triệu lượt; khách quốc tế 84.200 lượt.	Trang 10 (Báo cáo chính trị)
(15)	Bản Sin Suối Hồ được nhận giải thưởng du lịch cộng đồng ASEAN đã tạo điểm nhấn, khác biệt của Lai Châu trên tuyến du lịch “Vòng cung Tây Bắc”; bản du lịch Sì Thâu Chải là điểm du lịch cộng đồng được du khách yêu thích, lựa chọn. Khu du lịch Cầu kính rồng mây, Khu du lịch sinh thái Đỉnh đèo Hoàng Liên, các điểm du lịch hang động đón nhiều du khách.	Trang 10 (Báo cáo chính trị)
(16)	Năm 2025 ước đạt 2.613 tỷ đồng, tỷ trọng thu nội địa bình quân đạt 95,3% tổng thu ngân sách nhà nước.	Trang 10 (Báo cáo chính trị)
(17)	Tỷ trọng chi đầu tư phát triển trung bình chiếm 11% và chi thường xuyên chiếm 87% tổng chi cân đối ngân sách địa phương.	Trang 11 (Báo cáo chính trị)
(18)	Giai đoạn 2021-2025 đăng ký thành lập mới 783 doanh nghiệp, 208 hợp tác xã, nâng lên tổng số 2.170 doanh nghiệp, 446 hợp tác xã; thu hút 86 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư 25.093 tỷ đồng (Lĩnh vực nông nghiệp có 30 dự án, vốn đăng ký 3.154 tỷ đồng; lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có 52 dự án, vốn đăng ký 15.925 tỷ đồng; thương mại dịch vụ có 4 dự án, vốn đăng ký 6.014 tỷ đồng...) đến nay tỉnh có 315 dự án với tổng vốn đầu tư 152.934 tỷ đồng.	Trang 11 (Báo cáo chính trị)

TT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
(19)	Đến năm 2025, toàn tỉnh có 7.267,52 km đường bộ tăng 150km so với đầu nhiệm kỳ, có 81,6% đường xã được cứng hóa, 100% thôn, bản có đường xe máy hoặc ô tô đi lại thuận lợi; 78,7% dân số đô thị được cung cấp nước sạch, 93% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; 97,1% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia; 100% trường học, trạm y tế xã được xây dựng kiên cố.	Trang 11 (Báo cáo chính trị)
(20)	Mẫu giáo đạt 99,8%, tiểu học đạt 99,9%, Trung học cơ sở đạt 95,5%, Trung học phổ thông đạt 60%; tỷ lệ trẻ em hoàn thành chương trình GDMN đạt 100%, hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.	Trang 12 (Báo cáo chính trị)
(21)	Phục dựng 14 lễ hội, duy trì tổ chức 39 lễ hội truyền thống; xây dựng 6 hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể đề nghị đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.	Trang 12 (Báo cáo chính trị)
(22)	Đã chuyển hóa thành công 74/74 địa bàn trọng điểm về an ninh, trật tự, đến nay 100% xã, phường và 97,6% cơ quan đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.	Trang 14 (Báo cáo chính trị)
(23)	- Với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc): Đã tổ chức thành công 04 Hội nghị thường niên giữa Bí thư Tỉnh ủy các tỉnh Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Điện Biên (Việt Nam) và Bí thư Tỉnh ủy Vân Nam (Trung Quốc), 03 Phiên họp Nhóm công tác liên hợp giữa bốn tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc); ký kết 09 biên bản hợp tác cấp tỉnh, 15 biên bản hợp tác các sở, ngành, địa phương trong các lĩnh vực nông nghiệp, thương mại, du lịch, y tế, quản lý cửa khẩu, giao thông vận tải, thúc đẩy hợp tác giữa các huyện biên giới..., kết nghĩa 01 cặp xã, 05 cặp thôn/bản giữa hai bên. Tỉnh Vân Nam đã hỗ trợ 11 suất học bổng toàn phần cho học sinh của tỉnh Lai Châu sang học tập ở nhiều chuyên ngành; tổ chức lớp bồi dưỡng chuyên đề cho 68 cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Lai Châu. - Với các địa phương của Hàn Quốc: Đã ký kết 05 thỏa thuận về phái cử lao động, thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị, hợp tác lĩnh vực nông nghiệp giữa tỉnh Lai Châu với các địa phương của Hàn Quốc (đã có 310 lượt lao động của tỉnh đã đi làm việc thời vụ tại Hàn Quốc).	Trang 14 (Báo cáo chính trị)
(24)	Đến năm 2024, chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) của tỉnh đạt 85,97 điểm, xếp thứ 56/63 tỉnh, thành phố, giảm 7 bậc so với 2023.	Trang 15 (Báo cáo chính trị)

TT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
(25)	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương PII năm 2023 của tỉnh Lai Châu là 22,78, xếp thứ 62/63 tỉnh/thành phố; năm 2024 là 26,02, xếp thứ 61/63 tỉnh/thành phố.	Trang 15 (Báo cáo chính trị)
(26)	Trên địa bàn tỉnh có 01 tổ chức KH&CN công lập là Trung tâm Kiểm định và Phát triển khoa học và công nghệ.	Trang 15 (Báo cáo chính trị)
(27)	Tập trung các nguồn lực, cơ chế, chính sách để: phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung; phát huy giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch; xây dựng thương hiệu Sâm Lai Châu; đẩy mạnh cải cách hành chính; kiên trì xóa bỏ hủ tục, xây dựng nếp sống văn minh trong cộng đồng dân cư...	Trang 18 (Báo cáo chính trị)
(28)	Trong đó: ngành nông nghiệp phải tăng bình quân 5%/năm; ngành công nghiệp xây dựng tăng khoảng: 13,38%/năm; ngành dịch vụ tăng khoảng: 8%/năm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng khoảng: 5,58%/năm).	Trang 19 (Báo cáo chính trị)
(29)	Du lịch cộng đồng: Phấn đấu đến 2030 có trên 15 điểm bản du lịch cộng đồng; Sin Suối Hồ thành điểm nhấn điển hình; Sìn Thầu Chải, Lao Chải 1 đạt giải thưởng ASEAN. Du lịch thể thao mạo hiểm khai thác cung đường trekking: Pu Ta Leng, Bạch Mộc Lương Tử, Pu Si Lung, Tả Liên Sơn; phát triển điểm bay dù lượn đạt chuẩn. Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng: Công nhận ít nhất 3 khu du lịch cấp tỉnh: Vườn Địa Đàng, Pắc Ta, suối Phiêng Phát. Phát triển du lịch canh nông xanh, bền vững: vùng trà cổ thụ, rừng lá phong, đồ quyền và dược liệu quý. Xây dựng điểm check in cảnh quan, tour vùng chè, mắc ca, cánh đồng lúa Mường Than và ruộng bậc thang Tả Lèng, Tả Mung, Đào San, Thu Lũm gắn văn hoá, lễ hội.	Trang 29 (Báo cáo chính trị)
(30)	Các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số: Y tế, Giáo dục, Nông nghiệp, Giao thông vận tải và logistics; Tài nguyên và môi trường; Năng lượng và sản xuất công nghiệp; Tài chính - ngân hàng; Du lịch	Trang 32 (Báo cáo chính trị)